

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY ONLINE CỦA TRUNG TÂM GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. Hoàng Thị Út<sup>1</sup>; ThS. Nguyễn Văn Sơn<sup>1</sup>; ThS. Võ Ngọc Giao<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Bằng những phương pháp nghiên cứu thường quy, bài báo đã tiến hành đánh giá thực trạng công tác giảng dạy online môn Giáo dục thể chất tại Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả cho thấy mặc dù điều kiện đảm bảo công tác giảng dạy còn có những tồn tại nhất định, song bước đầu cho thấy, việc giảng dạy online môn GDTC đã đảm bảo tiến độ và chất lượng giảng dạy.

**Từ khóa:** giáo dục thể chất, giảng dạy, online

**Summary:** Using conventional research methods, the article assessed the current status of online teaching of Physical Education at the Center for Physical Education and Sports, Vietnam National University, Hanoi. The results show that although the conditions for ensuring teaching work still have certain shortcomings, the first step shows that the online teaching of PE subject has ensured the progress and quality of teaching.

**Keywords:** physical education, teaching, online

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua công tác giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trường học (TTTH) đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Nhận thức về vai trò, tác dụng của GDTC, thể thao đôi lúc còn bị coi nhẹ, là môn học phụ; đặc biệt, hình thức, phương pháp giảng dạy chưa thực sự hấp dẫn, lôi cuốn SV tự giác học, tập luyện...

Trước đại dịch Covid - 19, Trung tâm GDTC và thể thao Đại học Quốc gia Hà Nội đã gặp nhiều khó khăn trong việc truyền tải môn học GDTC. Tổ chức giảng dạy online được sử dụng như là một giải pháp mang tính nhất thời bất khả kháng. Trong thời gian 8 tuần giảng dạy đã để lại hiệu quả nhất định trong công tác GDTC đối với SV Đại học Quốc gia. Tuy nhiên, vấn đề này cần được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, đánh giá hiệu quả, hạn chế, nội dung và phương pháp truyền tải để từ đó việc tổ chức giảng dạy online môn GDTC thu được hiệu quả cao. Đây là một vấn đề mới và chưa có nghiên cứu tiền lệ tại Trung tâm GDTC và thể thao. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: *“Thực trạng công tác giảng dạy online của Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao, Đại học Quốc gia Hà Nội”*.

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn; quan sát sự phạm; kiểm tra sự phạm và toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên của Trung

### tâm GDTC và Thể thao

Kết quả đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên của Trung tâm GDTC và Thể thao được trình bày tại bảng 1.

**Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giảng viên Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao năm học 2019 -2020 ( $n = 31$ )**

| TT | Nội dung                  | Số lượng | Tỷ lệ % | Ghi chú                                  |
|----|---------------------------|----------|---------|------------------------------------------|
| 1  | <b>Trình độ</b>           |          |         |                                          |
|    | Tiến sĩ                   | 05       | 16.13   |                                          |
|    | Thạc sĩ                   | 24       | 77.42   | 04 HĐ mời                                |
|    | Cử nhân                   | 02       | 6.45    |                                          |
| 2  | <b>Ngạch bậc</b>          |          |         |                                          |
|    | Giảng viên cao cấp        | 0        | 0       |                                          |
|    | GV chính                  | 14       | 45,16   | 01 HĐ mời giảng<br>Tính đến tháng 6/2020 |
|    | Giảng viên                | 17       | 54,84   |                                          |
| 3  | <b>Thâm niên công tác</b> |          |         |                                          |
|    | Dưới 5 năm                | 7        | 22.58   |                                          |
|    | Từ 5 - 20 năm             | 9        | 29.03   |                                          |
|    | Từ 20 năm trở lên         | 15       | 48.39   |                                          |

Từ bảng 1 cho thấy: Trung tâm đang có tỷ lệ vàng về giảng viên với đội ngũ giảng viên trẻ, giảng viên có kinh nghiệm thâm niên công tác trên 20 năm tương đối cân bằng nhau. Điều đó

cho thấy sự kế cận tích cực của các thể hệ.

Tỷ lệ giảng viên chính chiếm gần 50% và với môi trường giảng dạy của một đơn vị không chuyên nhưng có tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 16.13% cho thấy Trung tâm GDTC và Thể thao là một trong những đơn vị đứng đầu về tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ trong các đơn vị giảng dạy không chuyên trong lĩnh vực GDTC và Thể thao.

## 2.2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất online tại Trung tâm GDTC & TT

Kết quả thực trạng cơ sở vật chất được trình bày tại bảng 2

**Bảng 2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy online tại Trung tâm GDTC & TT**

| TT | Đơn vị         | Số lượng máy tính để bàn | Đường truyền mạng | Ghi chú |
|----|----------------|--------------------------|-------------------|---------|
| 1  | Bộ môn cá nhân | 01                       | Đảm bảo           |         |
| 2  | Bộ môn tập thể | 01                       | Đảm bảo           |         |
| 3  | Phòng Thể thao | 02                       | Đảm bảo           |         |

Như vậy đường truyền đảm bảo công tác giảng dạy online tuy nhiên số lượng máy tính mới đáp ứng được nhu cầu làm các công việc chuyên môn về hành chính và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Trung tâm. Chưa có máy tính đáp ứng được công tác giảng dạy với 02 máy tính của bộ môn trên tổng số 22 giảng viên cơ hữu và 04 giảng viên hợp đồng tại các bộ môn. Đây là vấn đề rất khó khăn trong công tác giảng dạy online.

Qua phỏng vấn giảng viên cho thấy, cơ sở vật chất giảng dạy online tại Trung tâm còn gặp nhiều khó khăn. Lý do chủ yếu là Trung tâm thiếu máy tính phục vụ giảng dạy online nên hầu hết giảng viên phải sử dụng máy tính của cá nhân hoặc điện thoại smart phone để giảng dạy nên nhiều lúc máy tính/ điện thoại không đủ dung lượng; kết nối mạng không tốt, không ổn định; giảng dạy online bằng điện thoại sẽ hạn chế nhiều các tính năng của ứng dụng

## 2.3. Thực trạng chương trình môn học GDTC

Chương trình môn học GDTC tại ĐHQGHN gồm 4 tín chỉ. Mỗi tín chỉ có 15 giờ tín chỉ tương đương 30 tiết thực học.

Chương trình môn GDTC được xây dựng dành cho 2 nhóm: nhóm cơ bản và nhóm đặc biệt.

*Nhóm cơ bản:* gồm có 1 môn học tiên quyết là môn học Lý luận Giáo dục thể chất và các môn thể thao cơ bản và 10 môn học tự chọn với 3 cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện

nay, Trung tâm GDTC và Thể thao không còn môn học tiên quyết và SV được phép lựa chọn 04 tín chỉ trong 14 môn thể thao cơ bản. Mỗi một môn học có 03 cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết mới phổ biến giảng dạy ở cấp độ 1.

*Nhóm đặc biệt:* là nhóm dành cho các SV có sức khỏe yếu, khả năng vận động kém do thương tật hoặc bẩm sinh được xây dựng với các môn học phù hợp với tình trạng sức khỏe. Nội dung bao gồm: (1) Phần lý thuyết chung và lý thuyết các môn chuyên môn; (2) Môn Cờ vua và các môn học tự chọn (theo khả năng và năng lực của người học).

Chương trình GDTC được tổ chức tối thiểu trong 4 học kỳ và tối đa trong 8 học kỳ tùy theo nhu cầu tích lũy của SV.

## \* Thực trạng nội dung giảng dạy online môn GDTC:

Thực trạng học kỳ 2, năm học 2019-2020 hình thức giảng dạy online cho SV chỉ mới đáp ứng được thông qua phòng học classroom. Đây mới là một thành tố của giảng dạy online chứ chưa thể hiện được đầy đủ chức năng trực tuyến.

Nội dung môn GDTC của học kỳ II năm học 2019 – 2020 được xây dựng thông qua các bài tập thể lực, cụ thể:

Thời gian học online: 30/3 – 29/5.

Nội dung học: 6 nội dung thể lực, gồm: chống đẩy, gập bụng, bật dõ chân, đứng lên ngồi xuống, chạy nâng cao đùi tại chỗ, nhảy dây.

Thời lượng: tuần 2 buổi trên classroom.

Cách thức học:

+ SV được giao bài qua classroom.

+ SV thực hiện bài tập thể lực, quay clip và gửi vào classroom theo yêu cầu của bài tập.

Cách thức giảng bài:

+ Giảng viên giao bài qua ứng dụng classroom.

Trong bài tập bao gồm các bài giảng mẫu đã được quay trên kênh Thethao Vnu tại Youtube.

+ Giảng viên chấm bài và đưa ra những nhận xét cho SV trên ứng dụng classroom.

Hình thức thi: Tùy từng đơn vị trường học có 2 hình thức:

+ Thi giữa kỳ: Hình thức gửi clip hoặc thi trực tiếp trên lớp học;

+ Thi cuối kỳ: Hình thức gửi clip hoặc thi trực tiếp trên lớp học.

+ Nội dung thi: Là 1 trong 6 bài tập thể lực đã được giảng dạy.

## 2.4. Thực trạng tập luyện ngoại khóa TDTT của SV Đại học Quốc gia Hà Nội

Đề tài đã tiến hành phỏng vấn SV về thực trạng tập luyện TDTT ngoại khóa, kết quả thu

được như trình bày tại bảng 3.

Từ kết quả tại bảng 3 cho thấy:

- Có tới 70% SV có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động GDTC đối với phát triển sức khỏe, thể chất. Tuy nhiên vẫn còn 17.6% SV có nhận thức chưa đúng về tầm quan trọng của hoạt động GDTC đối với phát triển sức khỏe, thể chất.

- Về số buổi tập luyện các môn thể dục, thể thao/tuần: có tới 50% SV không tập luyện ngoại khóa TDTT hoặc thỉnh thoảng mới tập. Đây là một thực trạng đáng quan tâm đối với công tác

GDTC và thể thao của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Về thời gian 1 buổi tập luyện các môn thể dục, thể thao: có tới trên 70% SV tập luyện TDTT dưới 30 phút/ 1 buổi tập. Với thời gian tập luyện như vậy, chỉ đủ để thả lỏng, giải tỏa căng thẳng thần kinh chứ ít có tác dụng tới phát triển thể lực và nâng cao sức khỏe cho SV.

- Về môn thể thao tập luyện: đa số SV Đại học Quốc gia Hà Nội tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa ở các môn: chạy bộ, cầu lông và các môn thể thao trí lực như cờ vua, cờ tướng ...

**\* Đánh giá của SV về giờ học GDTC**

**Bảng 3. Kết quả phỏng vấn SV về thực trạng tập luyện TDTT ngoại khóa (n = 211)**

| TT       | Nội dung phỏng vấn                                                                          | Kết quả |      |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------|
|          |                                                                                             | n       | %    |
| <b>1</b> | <b>Hiểu biết về tầm quan trọng của hoạt động GDTC đối với phát triển sức khỏe, thể chất</b> |         |      |
|          | Rất quan trọng                                                                              | 97      | 46.2 |
|          | Quan trọng                                                                                  | 50      | 23.8 |
|          | Phân vân                                                                                    | 26      | 12.4 |
|          | Không quan trọng                                                                            | 19      | 9.0  |
|          | Rất không quan trọng                                                                        | 18      | 8.6  |
| <b>2</b> | <b>Số buổi tập luyện các môn thể dục, thể thao/tuần</b>                                     |         |      |
|          | 1 lần                                                                                       | 28      | 13.3 |
|          | 2 lần                                                                                       | 29      | 13.8 |
|          | 3 lần trở lên                                                                               | 48      | 22.9 |
|          | Thỉnh thoảng (2, 3 tuần/lần)                                                                | 69      | 32.9 |
|          | Không tập, thi thoảng tập ngẫu hứng                                                         | 36      | 17.1 |
| <b>3</b> | <b>Thời gian 1 buổi tập luyện các môn thể dục, thể thao</b>                                 |         |      |
|          | < 15 phút                                                                                   | 53      | 25.2 |
|          | Từ 15 – 30 phút                                                                             | 101     | 48.1 |
|          | Từ 30 – 45 phút                                                                             | 42      | 20.0 |
|          | Khoảng 60                                                                                   | 10      | 4.76 |
|          | > 60 phút                                                                                   | 4       | 1.9  |
| <b>4</b> | <b>Môn TD, TT tập luyện</b>                                                                 |         |      |
|          | Bóng đá                                                                                     | 7       | 3.33 |
|          | Bóng rổ                                                                                     | 11      | 5.2  |
|          | Bóng chuyền                                                                                 | 24      | 11.4 |
|          | Bóng bàn                                                                                    | 3       | 1.4  |
|          | Cầu lông                                                                                    | 80      | 38.1 |
|          | Đá cầu                                                                                      | 29      | 13.8 |
|          | Chạy bộ                                                                                     | 97      | 46.2 |
|          | Các môn múa, nhảy, khiêu vũ                                                                 | 31      | 14.8 |
|          | Các môn thể thao trí lực (cờ vua, cờ tướng...)                                              | 68      | 32.4 |
|          | Bơi, lặn                                                                                    | 12      | 5.7  |
|          | Các môn thể thao đường phố (trượt Patin, trượt ván, Pakour)                                 | 14      | 6.7  |
|          | Các môn thể thao khác (tennis, Golf, cử tạ... )                                             | 19      | 9.0  |

Đề tài đã tiến hành phỏng vấn SV về hiệu quả giờ học GDTC, kết quả thu được như trình bày tại bảng 4.

Từ kết quả tại bảng 4 cho thấy: đa số SV cho rằng giờ học GDTC không quá khó đối với SV, đồng thời có tác dụng giảm căng thẳng (stress) và phát triển sức khỏe. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy một dấu hiệu tích cực đó là: số ít SV không thích học, sợ học môn GDTC chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ.

## 2. 5. Thực trạng kết quả học tập môn GDTC của SV Đại học Quốc gia Hà Nội

Kết quả học tập môn GDTC học kỳ I năm học 2019 – 2020 của SV Đại học Quốc gia Hà Nội được trình bày tại bảng 5.

Từ kết quả tại bảng 5 cho thấy:

- Số SV không đủ điều kiện dự thi (KĐĐKT) môn GDTC còn chiếm tỷ lệ khá cao (> 10%), đặc biệt là tỷ lệ SV KĐĐKT của trường Đại học

**Bảng 4. Đánh giá của SV về giờ học GDTC (n = 211)**

| 1 | Giờ học GDTC nặng, rất khó qua môn                           | n   | %     |
|---|--------------------------------------------------------------|-----|-------|
|   | Rất đúng                                                     | 7   | 3.33  |
|   | Đúng                                                         | 42  | 20.0  |
|   | Không có ý kiến                                              | 88  | 41.90 |
|   | Không đúng                                                   | 67  | 31.90 |
|   | Rất không đúng                                               | 7   | 3.33  |
| 2 | Giờ học GDTC dễ, không phát triển sức khỏe                   |     |       |
|   | Rất đúng                                                     | 0   | 0     |
|   | Đúng                                                         | 10  | 4.76  |
|   | Không có ý kiến                                              | 42  | 20.0  |
|   | Không đúng                                                   | 130 | 61.90 |
|   | Rất không đúng                                               | 29  | 13.34 |
| 3 | Giờ học GDTC nặng nhưng giúp em phát triển sức khỏe          |     |       |
|   | Rất đúng                                                     | 9   | 3.81  |
|   | Đúng                                                         | 107 | 50.95 |
|   | Không có ý kiến                                              | 68  | 32.38 |
|   | Không đúng                                                   | 25  | 11.91 |
|   | Rất không đúng                                               | 2   | 0.95  |
| 4 | Giờ học GDTC nặng nhưng giúp em giải tỏa căng thẳng (stress) |     |       |
|   | Rất đúng                                                     | 7   | 2.86  |
|   | Đúng                                                         | 72  | 34.29 |
|   | Không có ý kiến                                              | 81  | 38.57 |
|   | Không đúng                                                   | 48  | 22.86 |
|   | Rất không đúng                                               | 3   | 1.43  |
| 5 | Giờ học GDTC vừa sức, phát triển sức khỏe                    |     |       |
|   | Rất đúng                                                     | 12  | 5.24  |
|   | Đúng                                                         | 129 | 61.43 |
|   | Không có ý kiến                                              | 62  | 29.52 |
|   | Không đúng                                                   | 5   | 2.38  |
|   | Rất không đúng                                               | 3   | 1.43  |
| 6 | Không thích học GDTC                                         |     |       |
|   | Rất đúng                                                     | 2   | 0.95  |
|   | Đúng                                                         | 11  | 5.24  |
|   | Không có ý kiến                                              | 73  | 34.29 |
|   | Không đúng                                                   | 91  | 43.33 |
|   | Rất không đúng                                               | 34  | 16.19 |

**Bảng 5. Thực trạng kết quả học tập môn GDTC học kỳ I năm học 2019 – 2020 của SV Đại học Quốc gia Hà Nội**

| TT | Đơn vị       | Tổng SV      | KĐĐKT       |              | Tổng SV thi  | Đạt         | Không Đạt  | % đạt        | % không đạt |
|----|--------------|--------------|-------------|--------------|--------------|-------------|------------|--------------|-------------|
|    |              |              | Số lượng    | Tỷ lệ        |              |             |            |              |             |
| 1  | ĐH KHXH&NV   | 2297         | 358         | 15.59        | 1939         | 1839        | 100        | 94.84        | 5.16        |
| 2  | ĐH KHTN      | 2703         | 179         | 6.62         | 2524         | 2473        | 51         | 97.98        | 2.02        |
| 3  | ĐH NGOẠI NGỮ | 796          | 130         | 16.33        | 666          | 653         | 13         | 98.05        | 1.95        |
| 4  | ĐH CÔNG NGHỆ | 2341         | 170         | 7.26         | 2171         | 2110        | 61         | 97.19        | 2.81        |
| 5  | ĐH KINH TẾ   | 688          | 45          | 6.54         | 639          | 629         | 10         | 98.44        | 1.56        |
| 6  | KHOA LUẬT    | 856          | 88          | 10.28        | 768          | 767         | 1          | 99.87        | 0.13        |
| 7  | KHOA QUỐC TẾ | 1059         | 131         | 12.37        | 928          | 915         | 13         | 98.60        | 1.40        |
| 8  | ĐH GIÁO DỤC  | 507          | 33          | 6.51         | 474          | 470         | 4          | 99.16        | 0.84        |
|    | <b>TỔNG</b>  | <b>11247</b> | <b>1134</b> | <b>10.08</b> | <b>10109</b> | <b>9856</b> | <b>253</b> | <b>97.50</b> | <b>2.50</b> |

Ngoại ngữ: 16.33 % và ĐH KHXH&NV chiếm đến 15,59 %, trong số này, phần lớn là SV có đăng ký nhưng không tham gia học một buổi nào;

- SV thi qua lần 1 chiếm tỷ lệ cao, từ 94.84 – 99.87% (trung bình đạt 97.50%). Trong đó tỷ lệ SV không đạt lớn nhất là trường KHXH&NV, trường có tỷ lệ SV đạt cao nhất là Khoa Luật.

Điều này cho thấy, GDTC bị ảnh hưởng tương đối lớn đến đặc thù ngành học. Đây cũng là một vấn đề TT GDTC&TT cần lưu ý trong công tác xây dựng các tín chỉ GDTC phù hợp với từng đối tượng và nhu cầu của người học sau này.

### 3. KẾT LUẬN

Mặc dù còn gặp những khó khăn nhất định về điều kiện đảm bảo công tác giảng dạy online môn GDTC, song đa số SV cho rằng giờ học GDTC không quá khó đối với SV, đồng thời có tác dụng giảm căng thẳng (stress) và phát triển sức khỏe; số ít SV không thích học, sợ học môn GDTC chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ. SV thi qua lần 1 môn GDTC chiếm tỷ lệ cao, trung bình đạt 97.50%. Điều này cho thấy, mặc dù bị ảnh hưởng của việc giảng dạy online, song kết quả học tập môn GDTC của SV vẫn đảm bảo chất lượng, mục tiêu giảng dạy đề ra.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 72/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 về quy định tổ chức thể thao ngoại khóa cho

học sinh, SV.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008, “Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, SV”.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

4. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

5. Ngô Quang Huy (2016), *Nghiên cứu giải pháp đổi mới hoạt động của Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao Đại học Quốc gia Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học TĐTT Hà Nội.

6. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thor (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** Nghiên cứu ảnh hưởng của hình thức giảng dạy online đối với hoạt động giáo dục thể chất của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, đề tài cấp cơ sở, Trung tâm GDTC & TT, ĐHQG HN, Chủ nhiệm: TS. Hoàng Thị Út, đề tài đã nghiệm thu năm 2021

**Ngày nhận bài:** 02/10/2021; **Ngày duyệt đăng:** 14/11/2021